

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81 /2024/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 11 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức chi hỗ trợ  
hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 và Luật số 47/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 2285/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ quyền hạn được giao giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá XVIII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo QB;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Hải Châu**

**QUY ĐỊNH MỨC CHI HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG  
KHUYẾN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số **81** /2024/NQ-HĐND  
ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

**Điều 3. Nguồn kinh phí**

1. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công thuộc nhiệm vụ của cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Chương II**  
**MỨC CHI HỖ TRỢ KHUYẾN CÔNG**

**Điều 4. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật**

Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình.

**Điều 5. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng dây chuyền công nghệ**

1. Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ xây dựng dây chuyền công nghệ: mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 6. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp**

Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình.

**Điều 7. Chi hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn**

1. Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

2. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

3. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn:

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày, có quy mô phòng trưng bày diện tích tối thiểu 20 m<sup>2</sup> và số lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đã được cấp có thẩm quyền công nhận tối thiểu 10 sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày, có quy mô phòng trưng bày diện tích tối thiểu 20 m<sup>2</sup> và số lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đã được cấp có thẩm quyền công nhận tối thiểu 15 sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

**Điều 8. Chi công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu**

1. Chi tổ chức công tác bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu: Đối với cấp tỉnh chi không quá 100 triệu đồng/lần tổ chức, đối với cấp huyện chi không quá 50 triệu đồng/lần tổ chức.

2. Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn: Đạt giải cấp tỉnh không quá 05 triệu đồng/sản phẩm, bộ sản phẩm; đạt giải cấp huyện không quá 03 triệu đồng/sản phẩm, bộ sản phẩm.

3. Chi tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia (chi phí thu gom, tập hợp, hoàn thiện hồ sơ, vận chuyển...); mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/lần tổ chức.

**Điều 9. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước và tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài.**

1. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

2. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

**Điều 10. Chi hỗ trợ các hoạt động xúc tiến phát triển công nghiệp và quản lý chương trình, đề án khuyến công**

1. Chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn trong nước và nước ngoài. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

2. Chi tổ chức các hoạt động tập huấn, hội thảo, hội nghị, diễn đàn; các lớp nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ khuyến công. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

3. Chi hỗ trợ xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

4. Chi xây dựng, duy trì và phổ biến cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về hoạt động phát triển công nghiệp, hoạt động khuyến công; xây dựng chương trình, đề án khuyến công từng giai đoạn và kế hoạch khuyến công hàng năm. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

5. Chi nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

6. Chi quản lý chương trình, đề án khuyến công:

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công địa phương cấp hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và chi khác.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và chi khác (nếu có).

#### **Điều 11. Chi hỗ trợ khác**

1. Chi khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp và hoạt động khuyến công trên địa bàn. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

2. Ngoài các mức chi hỗ trợ được quy định trên, các mức chi khác có liên quan đến hoạt động khuyến công được áp dụng theo quy định hiện hành. 